

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG
Số: 270/HĐBT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 14 tháng 9 năm 1991

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chi tiết thi hành pháp lệnh thuế nhà đất

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4 tháng 7 năm 1981;

Để thi hành Pháp lệnh thuế nhà đất do Hội đồng Nhà nước công bố theo lệnh số 54-LCT/HĐNN8 ngày 1 tháng 7 năm 1991;

NGHỊ ĐỊNH:

CHƯƠNG I

PHẠM VI ÁP DỤNG

Điều 1.

Đối tượng thu thuế nhà đất gồm:

- Nhà: nhà ở, nhà làm việc, nhà dùng vào sản xuất, kinh doanh.
- Đất: đất ở, đất xây dựng công trình.

Điều 2.

Mọi cá nhân, tổ chức cơ quan, xí nghiệp, lực lượng vũ trang. . . có quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng nhà, đất ở, đất xây dựng công trình, gọi chung là chủ nhà đất đều thuộc đối tượng nộp thuế nhà đất.

Trong trường hợp có sự tranh chấp về quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng nhà đất hoặc chưa xác định được chủ nhà đất thì tổ chức cá nhân đang sử dụng đất phải nộp thuế nhà đất.

Điều 3.

Không thu thuế nhà đất đối với:

- Nhà ở thuộc vùng nông thôn, trừ nhà ở ven đường quốc lộ, tỉnh lộ thuộc vùng đồng bằng, trung du nơi có hoạt động kinh doanh, dịch vụ (bao gồm cả nhà ở có kinh doanh, dịch vụ và nhà ở không có kinh doanh, dịch vụ).

2. Đất làm đường sá, cầu cống, công viên, sân vận động, đê điều, công trình thủy lợi, nghĩa trang.
3. Nhà đất dùng làm trụ sở cơ quan hành chính sự nghiệp Nhà nước, tổ chức xã hội (Đảng, đoàn thể...), công trình văn hoá, doanh trại lực lượng vũ trang, không sử dụng vào hoạt động kinh doanh.
4. Nhà đất chuyên dùng vào việc thờ cúng của tôn giáo bao gồm các nhà thờ đạo thiên chúa, các đình, chùa, miếu.
5. Nhà đất sử dụng vì lợi ích công cộng mà chủ nhà đất không thu tiền thuế.

CHƯƠNG II

CĂN CỨ TÍNH THUẾ - BIỂU THUẾ

Điều 4.

Căn cứ tính thuế nhà đất là diện tích nhà, diện tích đất, giá tính thuế mỗi mét vuông (m²) đối với từng hạng nhà, hạng đất và thuế suất.

Điều 5.

Giao cho Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Tổng cục Quản lý ruộng đất và Ủy ban Vật giá Nhà nước căn cứ điều 8 Pháp lệnh thuế nhà đất quy định và hướng dẫn việc phân loại hạng nhà, hạng đất, khung giá tiêu chuẩn tính thuế nhà đất.

Căn cứ quy định và hướng dẫn của Liên Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định việc phân loại hạng nhà, hạng đất, giá tính thuế nhà, đất phù hợp với đặc điểm tình hình xây dựng nhà, với từng loại đường phố, tại địa phương.

Riêng đối với đất ở thuộc vùng nông thôn căn cứ tính thuế được quy định theo điều 11 Pháp lệnh thuế nhà đất và điều 8 của Nghị định này.

Điều 6.

Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ra quyết định thành lập Ban định giá tính thuế nhà đất do Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân làm Trưởng ban và gồm các thành viên là đại diện các ngành Tài chính, Vật giá, Thuế, Xây dựng, Quản lý nhà đất, giúp Ủy ban nhân dân quy định giá tính thuế nhà đất tại địa phương.

Giá tính thuế nhà đất được xem xét điều chỉnh hai năm một lần, và phải được Ủy ban nhân dân công bố để thực hiện vào đầu năm.